TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1091/2023/DS-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Thực

2/ Bà Phạm Đắc Mỵ Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/6/2023 và ngày 30/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 507/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2064/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7213/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH X

Địa chỉ: D Lô B, Chung cư C, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Minh H, sinh năm 1996; Địa chỉ: B River Gate Residence S B, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền số 06/06/UQ.22 ngày 06/6/2022); (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Shin S

Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà S, Số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tầng E, P, Tòa nhà S, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo

Giấy ủy quyền ngày 27/6/2019 có số công chứng 017250 của Văn phòng C); (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Shin W

Địa chỉ: Căn hộ S- 26.04 Chung cư T, số D, Đường F, phường T, Quận B (N là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tầng E, P, Tòa nhà S, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/5/2019 có số công chứng 013185 của Văn phòng C); (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2019 của nguyên đơn và các văn bản trình bày khác trong quá trình tố tụng của đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 16 tháng 11 năm 2016, Công Ty TNHH X (sau đây gọi tắt là công ty X) ký Hợp đồng thi công cải tạo căn hộ với ông Shin S, nội dung công ty X nhận thực hiện thi công xây dựng cải tạo mới căn hộ số TA2-26.06 tầng 26 thuộc Cao ốc T, địa chỉ số D, Đường F, phường T, Quận B (cũ) nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Shin S theo bản vẽ thiết kế và dự toán đã được chủ đầu tư phê duyệt. Giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) là 2.814.739.672 đồng, các bên thỏa thuận việc quyết toán khi hoàn thành công trình dựa trên khối lượng thi công thực tế, cụ thể tổng giá trị thi công thực tế theo quyết toán ngày 14/04/2017 là 1.630.876.658 đồng. Ông Shin S đã thanh toán đợt 01 ngày 20/12/2016 với số tiền tương ứng là 562.947.934 đồng và đợt 2 ngày 23/01/2017 với số tiền là 540.570.895 đồng. Tổng 02 đợt thanh toán là 1.103.518.829 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 527.357.739 đồng.

Công ty X đã thực hiện xong hợp đồng thi công và bàn giao công trình cho ông Shin S nhưng ông S không thanh toán số tiền còn nợ 527.357.739 đồng, mặc dù công ty X đã nhiều lần gửi email thông báo và yêu cầu thanh toán nhưng ông Shin S cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty X.

Ngoài ra trong thời gian thực hiện thi công, ngày 16/03/2017 giữa ông Shin W (con trai ông Shin S) thay mặt ông Shin S ký với Công ty X thỏa thuận đề nghị công ty X ứng tiền mua gạch để thi công cho căn hộ số TA2-26.06 là 292.372.737 đồng. Căn cứ theo giấy đề nghị này công ty X đã cung cấp đủ số gạch men cho công trình căn hộ số TA2-26.06, số tiền này phía ông Shin S chưa thanh toán cho công ty X, do đó công ty X yêu cầu ông Shin S có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền mua gạch nói trên là: 292.372.737 đồng.

Nay công ty X khởi kiện yêu cầu buộc ông Shin S thanh toán tiền nợ hợp đồng thi công là 527.357.739 đồng và tiền gạch là 292.372.737 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 819.730.476 đồng.

Bị đơn ông Shin S có bà Dương Thị T đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai và quá trình hòa giải như sau:

Ông Shin S1 là chủ sở hữu căn hộ số TA2-26.06 tầng 26 thuộc Cao ốc T, địa chỉ số D, Đường F, phường T, Quận B (cũ) nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16 tháng 11 năm 2016, giữa ông Shin S và công Ty X ký Hợp đồng thi công cải tạo căn hộ đúng như nguyên đơn trình bày. Trong quá trình thi công, con trai ông Shin S là ông Shin W sinh sống ở căn hộ bên cạnh có giúp ông S1 trông coi việc thi công, tuy nhiên không có việc ông Shin W ký các văn bản, giấy tờ liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thi công trên thì ông Shin S sẽ thanh toán tiền thi công cho công ty X sau khi nhận hồ sơ thanh toán hợp lệ. Tuy nhiên kể từ sau khi hoàn thành việc thi công ông S chưa nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ từ công ty X, do đó chưa có cơ sở đối chiếu thanh toán số tiền thi công mà công ty X yêu cầu. Đối với số tiền gạch mà nguyên đơn yêu cầu ông S không đồng ý thanh toán vì ông W ký không được sự ủy quyền của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Shin W có bà Dương Thị T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Shin W là con trai của ông Shin S, trong thời gian công ty X thực hiện thi công căn hộ theo hợp đồng nêu trên thì ông W có giúp cha mình trông coi việc thi công. Theo ông biết khi công ty X thông báo hoàn tất thi công thì cha ông có yêu cầu công ty X cung cấp Biên bản nghiệm thu công trình nhưng công ty X không cung cấp được. Ông không có bất kỳ ủy quyền nào từ ông Shin S để thực hiện hợp đồng trên với công ty X.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Shin S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Shin W đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông Shin S trả cho Công ty X số tiền 819.730.476 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Công ty X khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Shin S2 thanh toán tiền còn thiếu của hợp đồng thi công cải tạo căn hộ và tiền gạch phục vụ thi công căn hộ, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự. Bị đơn ông Shin S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Shin W là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Shin S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Shin W có bà Dương Thị T đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty X, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng thi công cải tạo căn hộ là 527.357.739 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng thi công xây dựng cải tạo căn hộ ký giữa công ty X và ông Shin S ngày 16/11/2016 thể hiện các bên ký kết hợp đồng có nội dung công ty X nhận thực hiện thi công xây dựng cải tạo mới căn hộ số TA2-26.06 tầng 26 thuộc Cao ốc T, địa chỉ số D, Đường F, phường T, Quận B (cũ) nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Shin S theo bản vẽ thiết kế và dự toán đã được chủ đầu tư phê duyệt.

Xét thấy Hợp đồng ngày 16/11/2016 về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Căn cứ vào lời khai xác nhận của

các đương sự thể hiện sau khi ký hợp đồng, công ty X đã tiến hành thi công theo hợp đồng ký kết.

Căn cứ vào Văn bản nghiệm thu hoàn thành trang trí nội thất do Ban quản lý tòa nhà Tropic Garden lập ngày 20/4/2018 thể hiện ông Shin S và công ty X cùng đại diện Ban quản lý tòa nhà đã tiến hành nghiệm thu việc thi công của công ty X, phía chủ hộ là ông Shin S ký xác nhận đã hoàn tất thi công. Do đó ý kiến của của bị đơn cho rằng công ty X chưa hoàn thành việc thi công là không có cơ sở.

Căn cứ vào Bảng tổng hợp quyết toán ngày 14/4/2017 (Bút lục 61) do công ty X lập có chữ ký xác nhận của bị đơn ông S nội dung thể hiện tổng số tiền công ty X đã thực hiện thi công là 1.630.876.658 đồng, phía nguyên đơn xác nhận ông S đã thanh toán số tiền 1.103.518.829 đồng, còn lại số tiền chưa thanh toán là 527.357.739 đồng. Xét thấy tại Bảng tổng hợp này ông S đã ký xác nhận, như vậy công ty X sau khi thi công căn hộ đã thông báo cho bị đơn về về khối lượng thi công thực tế và bị đơn đã ký xác nhận và không có ý kiến gì, Bảng tổng hợp này được lập và ký trước khi các bên tiến hành nghiệm thu việc thi công, thể hiện cho đến thời điểm nghiệm thu bị đơn đều xác nhận số tiền thi công và hoàn tất thi công. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại chưa thanh toán 527.357.739 đồng là có cơ sở.

Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Shin S thanh toán số tiền công ty X đã ứng mua gạch để thi công căn hộ, nhận thấy tại tài liệu do nguyên đơn cung cấp là Bảng báo giá gạch (Bút lục 10) và Giấy đề nghị ứng tiền mua gạch ngày 16/3/2017 (Bút lục 11) nội dung thể hiện ông Shin W đề nghị công ty X ứng tiền mua gạch men để thực hiện thi công cho căn hộ theo hợp đồng nêu trên. Xét tại bản khai ngày 20/9/2019 bà Dương Thị T đại diện ủy quyền cho ông Shin S và ông W xác nhận chữ ký tại 02 tài liệu này là của ông W, bà T cũng có lời khai ông W là con trai ông S nên có giúp ông S trông coi việc thi công, như vậy việc ông W ký xác nhận vào Bảng báo giá gạch và Giấy đề nghị ứng tiền mua gạch ngày 16/3/2017 thể hiện phía bị đơn ông S có biết việc ông W ký đề nghị mua gạch và số gạch này để thi công căn hộ trong hợp đồng nên ông S có trách nhiệm thanh toán số tiền gạch 292.372.737 đồng này cho nguyên đơn là hợp lý.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty X.

[3] Về án phí:

Ông Shin S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thi hành theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 513, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X;

Buộc ông Shin S trả cho Công ty TNHH X số tiền 819.730.476 đ (Tám trăm mười chín triệu bảy trăm ba mươi ngàn bốn trăm bảy mươi sáu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Shin S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.591.914đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm chín mươi mốt ngàn chín trăm mười bốn đồng).

Công ty TNHH X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty TNHH X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.295.957đ (Mười tám triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0016234 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 2 (Nay là thành phố T), Thành Phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Anh Minh